

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC

ĐXCB



**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017
& KẾ HOẠCH NĂM 2018**

Hà Nội, tháng 3 năm 2018

PHẦN 1
BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch

a) Kinh doanh LPG:

Năm 2017, thị trường thế giới: giá dầu, khí thế giới vẫn biến động nhiều (mức trung bình 54USD/thùng cao hơn so với kế hoạch 50USD/thùng). Giá LPG có xu hướng tăng đều vào những tháng cuối năm tạo sự ổn định kinh doanh trong Quý IV.

Thị trường nguồn cung LPG trong và ngoài nước liên tục dư thừa. Thị trường kinh doanh LPG khu vực phía Bắc cạnh tranh quyết liệt, không lành mạnh; gian lận thương mại trong hoạt động kinh doanh LPG diễn ra công khai, rộng khắp; các quy định pháp lý đối với hoạt động kinh doanh khí thiếu và không ổn định; việc xử lý các vi phạm trong hoạt động kinh doanh LPG của các cơ quan quản lý nhà nước mặc dù được tăng cường trong Quý III, nhưng vẫn chưa thường xuyên làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh và phát triển thị trường LPG của Công ty.

Năm 2017 là năm thứ hai Công ty triển khai các chương trình, kế hoạch theo Chiến lược phát triển thị trường bán lẻ LPG dân dụng của Tổng công ty khí Việt Nam (KVN) giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025. Mặc dù Chiến lược marketing, quảng cáo đã được Tổng Công ty quan tâm, phê duyệt, tuy nhiên việc triển khai chưa được thực hiện sớm, dẫn đến tạo độ trễ không cùng song hành với công tác bán hàng, tăng sản lượng theo mục tiêu tăng trưởng nhanh trong năm 2017.

b) Kinh doanh CNG:

Hệ thống khách hàng CNG đã ổn định, khách hàng tiếp tục mong muốn gắn bó với nhiên liệu CNG lâu dài. Giá bán CNG đã tiệm cận giá thị trường. Khách hàng chia sẻ những khó khăn trong giai đoạn giá dầu vẫn ở mức thấp, việc hạn chế sản lượng tiêu thụ đã ảnh hưởng tới kế hoạch sản xuất và việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của một số khách hàng.

Những tháng cuối năm 2017 (từ tháng 10/2017) là thời gian cao điểm sản xuất để hoàn thành kế hoạch của khách hàng, tuy nhiên hoạt động cấp khí gặp nhiều khó khăn do trạm nén khí của PVGAS D liên tục gặp sự cố, thời gian khắc phục kéo dài khiến cho sản lượng nén cho KMB thấp hơn rất nhiều so với kế hoạch (thậm chí không đủ lưu lượng tối thiểu để sản xuất); làm ảnh hưởng đến hoạt động cấp khí, kế hoạch sản xuất kinh doanh của khách hàng và việc đàm phán hợp đồng bán CNG, dịch vụ năm 2018.

Trong bối cảnh đó, Ban lãnh đạo Công ty đã quyết tâm cùng tập thể CBCNV toàn Công ty nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thách thức, từng bước khắc phục và giải quyết những khó khăn tồn tại, giữ vững sự ổn định của Công ty, cố gắng hoàn thành các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã đề ra.

2. Kết quả kinh doanh năm 2017

Các chỉ tiêu chính đạt được:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện	% thực hiện/kế hoạch
I	Sản lượng:				
1	LPG	Tấn	203.487	206.626	102%
1.1	LPG Công nghiệp	Tấn	135.312	137.701	102%
1.2	LPG Dân dụng	Tấn	68.175	68.925	101%
2	CNG ⁽¹⁾	tr sm ³	40	48,81	122%
II	Chỉ tiêu tài chính:				
3	Doanh thu ⁽²⁾	tỷ đồng	2.848,10	3.552,30	125%
4	Chi phí SXKD	tỷ đồng	424,3	472,62	111%
5	Lợi nhuận trước thuế ⁽³⁾	tỷ đồng	10,98	14,43	131%
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	8,78	13,19	150%
7	Nộp ngân sách nhà nước ⁽⁴⁾	tỷ đồng	6,9	70,0	1014%
8	Vốn giải ngân ĐTXD	tỷ đồng	82,66	26,78	32%
III	Các chỉ tiêu khác				
9	Số lao động bình quân	Người	487	485,6	99%
10	Thu nhập bình quân ⁽⁵⁾	Trđ/ng th	13,97	12,37	89%
11	Năng suất lao động bình quân	TỷĐ/ng/th	0,46	0,61	131%
12	Thực hiện đào tạo	Lượt Ng	521	1090	209%

Ghi chú:

⁽¹⁾ Sản lượng kế hoạch CNG năm 2017 được lấy theo Nghị quyết số 26/NQ-KVN ngày 28/02/2017 của TCT là 40 triệu Sm³.

⁽²⁾ Doanh thu bao gồm DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ;

⁽³⁾ LNTT bao gồm trích nộp dự phòng khoản nợ của PVTEX;

⁽⁴⁾ Nộp NSNN cao so với KH do phát sinh nghĩa vụ nộp thuế hàng NK;

⁽⁵⁾ Thu nhập bình quân đạt 89% so với KH do Công ty thực hiện không trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017.

Một số kết quả quan trọng của KMB trong năm 2017:

- ❖ Công ty đẩy mạnh công tác tiêu thụ LPG, sản lượng đạt 206.626 tấn, đạt 102% so với kế hoạch. Tổng sản lượng CNG đạt 48,81 triệu Sm³, đạt 122% kế hoạch năm.

- ❖ Doanh thu năm 2017 đạt 3.552,30 tỷ đồng, vượt hơn 25% so với kế hoạch được giao do mức giá CP trung bình cao hơn so với kế hoạch.
- ❖ Lợi nhuận trước thuế sau khi trích nộp dự phòng khoản nợ của PVTEX đạt 14,43 tỷ đồng, vượt 31% so với kế hoạch được giao do Công ty đã thực hiện tốt công tác kiểm soát chi phí, tăng hiệu quả bán hàng, vận chuyển giao nhận, tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính.
- ❖ Hoàn thành thủ tục chuyển nhượng 20% cổ phần của Công ty CP sản xuất và thương mại TQT từ các cổ đông bên ngoài theo kế hoạch của HĐQT đã được đại hội cổ đông phê duyệt.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TỪNG LĨNH VỰC

1. Kinh doanh LPG:

1.1. Kinh doanh LPG công nghiệp

- Mặc dù diễn biến giá CP có thay đổi nhiều gây khó khăn trong công tác quản lý hàng tồn kho của KMB, tuy nhiên do nắm bắt nhu cầu tiêu thụ của khách hàng và chủ động điều tiết hàng tồn kho nên việc cung ứng hàng gas rời trong năm 2017 của Công ty tương đối ổn định, không bị rủi ro hàng tồn kho khi giá CP biến động lớn, đặc biệt trong các tháng đầu năm và cuối năm.
- Công ty thực hiện mục tiêu tăng trưởng vào các nhóm khách hàng nhà máy, trạm chiết, đồng thời tìm kiếm các khách hàng tiềm năng để mở rộng thị trường trong nước và tiếp tục thực hiện xuất khẩu LPG Dung Quất ra thị trường nước ngoài.
- Tổng khối lượng bán hàng công nghiệp năm 2017 đạt: 137.701 tấn (102% kế hoạch). Số lượng khách hàng: 76 khách hàng công nghiệp khối các nhà máy SamSung, Honda, Yamaha, Bridgestone, Aon, LG Innotek, Techhong...
- Công nợ bán hàng được kiểm soát tốt, các khách hàng mới đều có bảo lãnh đầy đủ.
- Công tác dịch vụ cho khách hàng được triển khai thực hiện như tư vấn thiết kế - xây lắp các trạm cấp LPG, công tác kiểm tra, đánh giá an toàn – kỹ thuật, bảo dưỡng sửa chữa các trạm cấp của khách hàng.

1.2. Kinh doanh LPG dân dụng

- Năm 2017, mặc dù phải đối mặt thị trường cạnh tranh rất khốc liệt nhưng toàn Công ty vẫn đạt sản lượng bán dân dụng là 68.925 tấn, đạt 101% kế hoạch và hoàn thành sản lượng mục tiêu chiến lược năm 2017.
- Các Chi nhánh luôn thực hiện các chính sách bán hàng linh hoạt để ổn định giá bán theo mặt bằng của thị trường, và thực hiện các chính sách tăng trưởng theo kịch bản chiến lược, trong khi các đối thủ cạnh tranh luôn bán hàng với mức giá rất thấp trong năm 2017 nên ảnh hưởng tới hiệu quả SXKD chung.
- Mức Margin bán lẻ LPG dân dụng năm 2017 của các chi nhánh chỉ đạt: từ 74 – 120 USD/Tấn do phải cạnh tranh với các hãng tư nhân để giữ vững thị trường, thấp hơn so với mục tiêu chiến lược của Công ty (130 USD/Tấn). Tuy nhiên, nhờ sự hỗ trợ rất quan trọng của Tổng Công ty khí Việt Nam đối với hoạt động bán lẻ nên KMB đã cơ bản hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đề ra.

Thực hiện kế hoạch của 3 Chi nhánh năm 2017

Stt	Tiêu đề	Đơn vị tính	KH 2017	TH 2017	Tỷ lệ TH/KH
	Sản lượng		68.175	68.925	101%
1	Bắc Bộ	Tấn	28.266	28.593	101%
2	Duyên Hải	Tấn	22.302	20.897	93,7%
3	Miền Trung	Tấn	17.607	19.435	110%

- Hệ thống phân phối được mở rộng ở hầu hết các kênh, phụ thuộc đặc điểm từng vùng thị trường và hiện đang được phát triển theo hướng giảm khâu trung gian, bán hàng đến tận tay người tiêu dùng tại các tỉnh thành Miền Bắc. Tổng số tổng đại lý, đại lý, cửa hàng/trung tâm: 1100, trong đó tăng 110 đại lý so với năm 2016.

2. Kinh doanh CNG

- Từ đầu năm 2017, KMB đã nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của TCT đàm phán, thương thảo với các khách hàng để điều tiết sản lượng tiêu thụ và điều chỉnh giá bán CNG linh hoạt theo 4 mức giá dầu và có mức giá chặn dưới để đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Lắp đặt hệ thống chuyển đổi sử dụng nguyên liệu thay thế là LPG cho một số khách hàng và tiến hành chạy thay thế tại một số thời điểm nguồn cung bị gián đoạn.
- Công tác an toàn, kỹ thuật được tiến hành kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất, đảm bảo tính ổn định của hệ thống thiết bị trạm giảm áp.
- Công tác phối hợp điều độ khí được duy trì chặt chẽ với đơn vị cung cấp nguồn, luôn cập nhật tình hình trạm nén khí có sự cố và liên hệ thường xuyên với đơn vị vận tải đảm bảo không gián đoạn khí cấp cho khách hàng.
- Theo dõi sát công nợ khách hàng để đảm bảo không phát sinh công nợ quá hạn và vượt giá trị bảo lãnh. Tất cả các khách hàng đã có bảo lãnh mua hàng.

3. Tàng trữ - Giao nhận

Sản lượng nhập tàu năm 2017

Tổng kho LPG	Tổng nhập tàu (tấn)	Vòng quay kho/tháng
Miền Bắc (Đình Vũ)	117.961,424	3,9
Hải Phòng	37.224,506	2,8
Bắc Trung Bộ (Vũng Áng)	12.642.944	0,6
Đà Nẵng	7.915,297	0,44

- Đảm bảo tiếp nhận hàng hóa an toàn, kịp thời theo kế hoạch của Công ty.
- Luôn thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về an toàn PCCN trong nhập tàu, vận hành kho trạm, xuất nhập xe bồn, chiết nạp và phân phối bình gas.
- Phát triển khách hàng để khai thác Tổng kho Đà Nẵng, nâng cao hiệu quả sử dụng kho (đã ký hợp đồng thuê kho với KMN và KDK).

- Quản lý, giám sát công tác xuất nhập hàng hoá tại Tổng Kho và các Kho gửi hàng, không để xảy ra thất thoát hàng hoá; tỉ lệ hao hụt thấp hơn so với định mức hao hụt được duyệt.
- Tăng cường nhập tàu tại Tổng kho LPG Hải Phòng nhằm tiết giảm chi phí.
- Xây dựng định mức vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, tiêu hao vật tư, nhân công đảm bảo hợp lý, tiết kiệm, tăng hiệu và quản lý định mức.
- Tăng cường công tác dịch vụ kỹ thuật để xử lý kịp thời các kiến nghị của khách hàng.
- Tự thực hiện một số công việc bảo dưỡng sửa chữa, các dự án nhỏ, giảm chi phí thuê ngoài.
- Công tác dịch vụ kiểm tra an toàn xe bồn, các trạm cấp LPG của khách được thực hiện tốt, được khách hàng đánh giá cao.

4. Công tác An toàn, Sức khỏe, Môi trường:

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn của Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Khí và Nhà nước về công tác an toàn, bảo vệ môi trường. Liên tục rà soát, ban hành đầy đủ các nội quy, quy định, biện pháp về đảm bảo An ninh – An toàn – Sức khỏe – Môi trường. Một số kết quả chính đạt được như sau:

- Duy trì Hệ thống quản lý AT-CL-MT theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008, ISO 14001:2004; Lựa chọn nhà thầu tư vấn đào tạo, xây dựng, cập nhật tài liệu hệ thống AT-CL-MT theo tiêu chuẩn OHSAS18001:2007, ISO9001:2015, ISO14001:2015. Trong năm 2018 sẽ hoàn thành cập nhật tiêu chuẩn phiên bản mới;
- Triển khai chương trình STOP (Safety Training Observation Program) tại 4 Tổng kho LPG trực thuộc, gần 280 thẻ STOP được ghi nhận, tạo phong trào đưa văn hóa an toàn tới từng người lao động;
- Tổ chức diễn tập PCCC với cảnh sát PCCC địa phương được 8 lượt tại các đơn vị sản xuất trong toàn Công ty;
- Kiểm định định kỳ 100% (331/331) các thiết bị áp lực, thiết bị phòng nổ. Trong năm 2017, 4 Trung tâm sơn sửa, kiểm định bình gas của Công ty kiểm định được 254.256 bình LPG;
- Kiểm tra an toàn 242 lượt xe bồn LPG, trailer và đầu kéo chuyên chở CNG;
- Thực hiện 5S (Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ - Săn sóc – Sẵn sàng) tại Văn phòng Công ty, các Tổng kho và Chi nhánh.
- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân và thực hiện chế độ bồi dưỡng làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, độc hại bằng hiện vật cho 269 CBCNV. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám sức khỏe phát hiện bệnh nghề nghiệp cho 487 CBCNV theo quy định;
- Thực hiện quan trắc môi trường tại các đơn vị sản xuất được 28/28 lượt theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, trách nhiệm công cộng cho tất cả các công trình khí và bảo hiểm trách nhiệm sản phẩm LPG, CNG của Công ty.

- Trong năm, không để xảy ra sự cố, tai nạn và ảnh hưởng môi trường đáng kể nào trong các hoạt động tại các đơn vị của toàn Công ty.

5. Đầu tư Xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị

- Quản lý chặt chẽ, bám sát kế hoạch, tiến độ các dự án của Công ty.
- Thực hiện theo kế hoạch của TCT để làm việc với Thanh tra Bộ XD, kết quả cơ bản tốt.
- Công trình Tổng kho các sản phẩm dầu khí Đà Nẵng (giai đoạn 1) đã có báo cáo kiểm toán và đang tiến hành thủ tục thẩm tra và phê duyệt quyết toán theo quy định.
- Tiếp tục triển khai lập dự toán thiết kế thi công dự án Trạm chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng Thái Nguyên.
- Hoàn thiện thanh quyết toán và hồ sơ hoàn thành các công trình trạm CNG đã triển khai trong năm 2016;
- Thực hiện các công việc mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất theo kế hoạch năm 2017 đã được phê duyệt.
- Triển khai thủ tục đầu tư tài chính mua 20% cổ phần còn lại tại Công ty CP sản xuất và thương mại TQT theo chấp thuận của TCT.
- Vốn giải ngân cả năm là: 26,78 tỷ đồng.

6. Công tác dịch vụ

- Tiếp tục cung cấp các dịch vụ cho khách hàng thường xuyên như: cho thuê kho nhà xưởng Công ty Daesun, xây lắp bồn cho khách hàng Lioa, nâng cấp trạm CNG cho nhà máy Catalan, Long Phương, Hồng Hà ...
- Năm 2017, Công ty còn tập trung, tích cực phát triển công tác dịch vụ: tư vấn, thiết kế và xây lắp cho một số khách hàng công nghiệp sử dụng LPG/CNG như: Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn, Texhong, Lioa, Hồng Hà, VFG, Catalan, TTC Vĩnh Phúc ...

Đến nay, KMB đã trở thành một đối tác có uy tín được các khách hàng tin tưởng.

7. Công tác tổ chức cán bộ, đào tạo và tái cấu trúc công ty.

7.1. Công tác tổ chức và đào tạo:

- Tính đến thời điểm cuối năm 2017, tổng số lao động là 487 người trong đó có 395 lao động nam chiếm 80%, lao động nữ có 72 người chiếm 20% và lao động có trình độ đại học trở lên chiếm 49%.
- Chú trọng công tác đào tạo theo các quy định của Nhà nước và đào tạo tại chỗ nhằm tiết giảm kinh phí và nắm bắt nhanh công việc. Năm 2017, Công ty đã tổ chức đào tạo cho 1090 lượt người, bằng 209% KH với tổng chi phí đào tạo 1 tỷ đồng bằng 67% KH. Trong đó, riêng đào tạo về lĩnh vực an toàn là 920 lượt người với 21 khóa và tổng kinh phí đào tạo cho hoạt động an toàn là 491 triệu đồng. Ngoài ra, Công ty được TCT hỗ trợ đào tạo 97 lượt đào tạo và Công ty đào tạo cho khách hàng công nghiệp được 46 lượt về công tác an toàn.
- Công ty đã tiến hành sửa đổi quy chế trả lương theo đúng yêu cầu của Pháp luật về tiền lương tối thiểu. Xây mới, đăng ký, và áp dụng toàn Công ty: lương theo vùng và lương đóng BHXH bằng tiền đồng.
- Quản lý quỹ lương theo đúng quy định của TCT.

- Xây dựng mô hình tổ chức quản lý hợp lý tại các phòng ban của Công ty, các đơn vị thành viên, đảm bảo các bộ phận hoạt động tốt và phối hợp chặt chẽ với nhau. Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động.
- Trong năm 2017, Công ty đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các phòng, ban và Tổng kho trực thuộc; Quy chế phân cấp và hoạt động các Chi nhánh.
- Hoàn thiện kế hoạch lao động, tiền lương, thù lao năm 2017 đối với người đại diện và người lao động của Công ty.
- Thực hiện nghiêm túc chủ trương không tăng lao động.

7.2. Công tác tái cấu trúc:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 và chủ trương về tái cấu trúc của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty khí, KMB đã tiến hành các thủ tục đổi tên Công ty, chi nhánh và các điểm kinh doanh (*Tháng 7/2017 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty CP kinh doanh khí Miền Bắc*);

Sắp xếp lại lao động để phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh mới, đồng thời hoàn thiện các thủ tục pháp lý theo đúng quy định của Pháp luật; Hoàn thiện Quy chế phân cấp và hoạt động của các chi nhánh trực thuộc ...

- Hoàn thành thủ tục chuyển nhượng 20% cổ phần sản xuất và thương mại TQT từ các cổ đông bên ngoài.
- Hoạt động cơ cấu lại tổ chức có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của KMB do có nhiều thủ tục và giấy tờ pháp lý cần phải chuyển đổi.

8. Công tác Tài chính – Kế toán

- Quản lý tốt các dòng tiền, đảm bảo lưu chuyển tiền tệ hợp lý, tăng hiệu quả dòng tiền, khai thác các dòng tiền có chi phí vốn thấp, góp phần tiết giảm chi phí tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Quản lý, giám sát chặt chẽ thời hạn thanh toán, công nợ khách hàng để tránh rủi ro trong kinh doanh;
- Tính toán giá thành kinh doanh cho từng nhóm khách hàng, từng khu vực thị trường để phục vụ tốt cho hoạch định chính sách kinh doanh;
- Quản lý chặt chẽ chi phí kinh doanh, công tác phí, chi phí văn phòng đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí;
- Lập và nộp Báo cáo tài chính đúng hạn đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời và đúng quy định cho sản giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Hoàn thiện công tác xây dựng cơ sở dữ liệu cho phần mềm kế toán Bravo 7.0 R2.
- Theo dõi thường xuyên tình hình đầu tư vốn vào các công ty khác.
- Khó khăn do thiếu vốn lưu động và vốn đầu tư dài hạn, do vậy chi phí lãi vay hàng năm rất cao.

9. Công tác thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí

- Ngay từ đầu năm 2017, Công ty đã tiến hành rà soát các kế hoạch AT-CL-MT, BDSC, chi phí quản lý (đặt vé máy bay thời gian cố định, bố trí xe công tác hợp lý), trong sản xuất kinh doanh đảm bảo tiết kiệm, giảm thiểu chi phí.

- Khai thác hệ thống kho, tăng vòng quay đảm bảo an toàn, hiệu quả.
- Tăng cường công tác thông tin, dự báo thị trường, lập kế hoạch nguồn hàng đảm bảo việc cân đối tồn kho và bán hàng đảm bảo hiệu quả SXKD.
- Tích cực, tăng cường công tác giám sát và thu hồi công nợ.
- Kiểm soát tốt công tác đầu tư, thực hiện giao chi phí cho từng phòng, kho trạm để tiết kiệm chi phí đến từng bộ phận.

Năm 2017. Công ty thực hiện tiết giảm được 2,52 tỷ đồng tương đương với 101% kế hoạch. Trong đó tiết giảm chi phí SX trực tiếp là 721 triệu đồng, tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp là 320 triệu đồng, đặc biệt công ty đã sắp xếp và quản lý chặt chẽ quá trình bán hàng, công tác vận chuyển giao nhận, đào tạo nâng cao nghiệp vụ bán hàng cho CBCNV do đó tiết giảm chi phí trong khâu bán hàng ước đạt 1,48 tỷ.

10. Hoạt động An sinh – Xã hội, công tác đoàn thể

- Trong năm 2017, Công đoàn Công ty đã vận động 100% đoàn viên công đoàn tham gia nhiều phong trào từ thiện, ủng hộ các CBCNV có bệnh hiểm nghèo, hoàn cảnh khó khăn. Công đoàn Công ty phối hợp với Công đoàn TCT đã quan tâm và hỗ trợ thăm hỏi 38 người lao động với tổng số tiền là 235 triệu đồng.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017; Đại hội đại biểu Công đoàn Công ty khóa III, nhiệm kỳ 2017 – 2022, ổn định tổ chức Công đoàn
- Tổ chức các hoạt động nhân ngày lễ 8/3, 20/10 do ban nữ công thực hiện, 1/6 cho các cháu thiếu niên, nhi đồng là con em của CBCNV, 27/7 cho các cựu chiến binh, con em liệt sĩ và nghỉ mát cho các CBCNV an toàn, tiết kiệm; giải bóng đá chào mừng kỷ niệm 17 năm ngày thành lập Công ty.
- Công đoàn Công ty đã giám sát việc thực hiện các quy định của Luật lao động, Luật BHXH, thỏa ước lao động tập thể của công ty... đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ các quyền lợi của mình, đặc biệt là các chế độ nghỉ ngơi, thai sản, nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau thai sản, chế độ ốm đau...
- Giám sát việc khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty hàng năm và khám sức khỏe, phát hiện bệnh nghề nghiệp cho những CBCNV làm các công việc nặng nhọc, độc hại theo quy định.
- Công đoàn, Đoàn thanh niên Công ty làm tốt vai trò tuyên truyền vận động Công đoàn viên, đoàn viên thanh niên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và các đợt thi đua do Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty phát động.
- Tuy nhiên trong năm 2017, Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty rất hạn chế, nên việc chi từ quỹ phúc lợi cho người lao động gặp nhiều khó khăn.
- Công đoàn phối hợp với Đoàn Thanh niên tích cực tham gia phòng trào Xanh - Sạch - Đẹp kho trạm, giữ gìn vệ sinh nơi làm việc.
- Chi Hội cựu chiến binh KMB có 34 hội viên, luôn đoàn kết hăng hái lao động góp phần xây dựng Công ty. Chi hội đã phối hợp với Hội CCB PVGas tổ chức các hoạt động về nguồn, thăm lại chiến trường xưa, chăm sóc thăm hỏi hội viên ốm đau hoặc có hoàn cảnh khó khăn.

III. TỒN TẠI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Bên cạnh những lý do khách quan về cơ chế, chính sách, giá dầu,... mặc dù đã đạt được những thành tích quan trọng nêu trên, hoạt động SXKD của Công ty vẫn còn một số tồn tại như sau:
 - Việc rà soát, đánh giá ưu/nhược điểm từng loại hình kênh phân phối bán lẻ để xác định mục tiêu chiến lược phù hợp tại các Chi nhánh chưa được thực hiện quyết liệt.
 - Công tác đồng bộ hóa tiêu chuẩn sử dụng các vật tư, thiết bị tại các Tổng kho, trạm chiết nạp, trạm sơn sửa kiểm định bình gas còn nhiều bất cập cần phải điều chỉnh để đảm bảo tiết kiệm chi phí trong bảo dưỡng, thay thế.
 - Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, quy trình quản lý chất lượng, số lượng, định mức trong sơn sửa – kiểm định bình gas còn nhiều bất cập cần phải cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tiết kiệm chi phí.
 - Một số khoản công nợ quá hạn kéo dài mặc dù đã được tập trung xử lý nhưng chưa được xử lý dứt điểm.

2. Bài học kinh nghiệm.

Từ những kết quả và tồn tại nêu trên, Công ty CP kinh doanh KMB đã rút ra các bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch là:

- Lấy công tác xây dựng kế hoạch SXKD hàng năm làm trọng tâm để kiện toàn chức năng quản lý – quản trị tại tất cả các cấp, tất cả các bộ phận trong Công ty.
- Cần có kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ thị trường về tiếp cận, nắm bắt thông tin, đặc điểm thị trường, thông tin khách hàng, hệ thống phân phối, dịch vụ cung ứng và chăm sóc khách hàng, đánh giá so sánh các thương hiệu, kỹ năng tổng hợp – báo cáo – đề xuất.
- Điều phối hợp lý nguồn hàng và kho chứa đảm bảo hỗ trợ tốt cho công tác bán lẻ; kiểm soát các chi nhánh bám sát chiến lược bán lẻ.
- Xác định đúng các nhiệm vụ trọng tâm để tập trung nguồn lực thực hiện, đặc biệt chú trọng hoạt động kinh doanh LPG và ổn định kinh doanh CNG. Không ngừng nâng cao công tác an toàn vận hành kho, trạm, phát huy tối đa hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất đã được đầu tư.
- Tiếp tục rà soát hợp lý hóa chi phí để tăng cao năng lực cạnh tranh, thích ứng điều kiện thực tế.
- Tăng cường công tác dự báo thị trường phục vụ kế hoạch nguồn hàng, cân đối tồn kho phù hợp với thời điểm xuất/nhập hàng.
- Tăng cường công tác quản lý tài chính, quản lý công nợ không để công nợ quá hạn phát sinh thêm. Triệt để thu hồi công nợ cũ.
- Tiếp tục hoàn thiện công tác trả lương theo hướng động viên, khuyến khích người lao động hiệu quả, tránh cào bằng bình quân.
- Đoàn kết nhất trí trong tập thể lãnh đạo vì mục tiêu phát triển KMB, phát huy tốt sức mạnh của cả hệ thống chính trị; Nâng cao vai trò của tổ chức Đảng, phát huy tốt vai trò của tổ chức Công đoàn và Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh.

PHẦN II : KẾ HOẠCH NĂM 2018

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH.

Thuận lợi:

- Tình hình giá dầu thế giới có những dấu hiệu phục hồi ở những tháng cuối năm 2017 và có thể kéo dài sang năm 2018.
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và TCT Khí luôn hỗ trợ công tác bán lẻ, phát triển khách hàng PETROVIETNAM GAS.
- Kế hoạch 5 năm 2016-2020, Chiến lược phát triển PV GAS đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 tạo thuận lợi cho KMB xây dựng, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch.
- Chỉ đạo của HĐQT TCT về kế hoạch triển khai chiến lược bán lẻ LPG dân dụng giai đoạn 2016 - 2020 (Biên bản số 106/BB-KVN ngày 30/11/2017).
- Hệ thống hạ tầng phục vụ kinh doanh đã hoàn thành đầu tư trong năm 2016 tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ kinh doanh, bắt đầu khai thác thêm khách hàng trong năm 2017 và các năm tiếp theo.
- Công tác tăng cường quản trị Công ty bước đầu tạo một số chuyển biến trong hoạt động SXKD.
- Được sự hỗ trợ quan trọng từ TCT, đến nay Công ty đã giải quyết cơ bản các tồn tại về công nợ nội bộ và việc trích nộp các quỹ.

Khó khăn:

Năm 2018, thị trường kinh doanh LPG, CNG tiếp tục đối mặt với một số khó khăn thách thức:

- Giá dầu tuy có phục hồi chậm từ quý III/2017 nhưng vẫn đang ở mức đáy và biến động khó dự đoán phụ thuộc nhiều vào các biến động chính trị trên thế giới.
- Dự báo dư thừa cung về LPG cao hơn so với nhu cầu sử dụng. Nền kinh tế Việt Nam có tín hiệu phục hồi sản xuất nhưng chưa ổn định. Thị trường tiêu thụ LPG dự báo tăng trưởng trên cơ sở mặt bằng giá cạnh tranh mạnh, tỷ suất lợi nhuận thấp như các năm 2016, 2017.
- Công tác dự báo, nắm bắt thông tin nguồn hàng gặp nhiều khó khăn trước tình hình khủng hoảng kinh tế và chính trị thế giới còn phức tạp.
- Việc giảm sản lượng tiêu thụ cung cấp CNG cho khách hàng so với kế hoạch ban đầu triển khai dự án khí Thái Bình cùng với việc chưa có kế hoạch dài hạn tiếp theo cho việc phát triển CNG tại Miền Bắc sẽ tiếp tục gây khó khăn trong hoạt động kinh doanh CNG.
- Sự cạnh tranh của các hãng luôn định giá thấp, cạnh tranh hệ thống kênh phân phối đến người tiêu dùng được các hãng triển khai mạnh, gây khó khăn cho các hãng gas uy tín lớn, xuất hiện nhiều hình thức cạnh tranh thiếu lành mạnh sử dụng các thủ tục xấu để chen ép, bảo kê trong kinh doanh bán lẻ LPG và ngày càng lan rộng.

- Các văn bản pháp luật của Nhà nước thiếu ổn định (về lĩnh vực kinh doanh khí) và chưa rõ ràng. Thực thi các quy định của Nhà nước chưa nghiêm nên chưa bảo hộ được quyền sở hữu thương hiệu: việc thu giữ vô bình lẫn nhau, buôn bán vô bình trái phép, sang chiết nạp lậu tiếp tục diễn biến phức tạp.
- Tính chủ động, quyết liệt của các bộ phận/đơn vị khi giải quyết công việc tuy đã cải thiện trong năm 2017 nhưng chưa tạo động lực mạnh trong toàn Công ty.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Dự đoán tình hình phát triển kinh tế vĩ mô thế giới, khu vực, tình hình thị trường LPG Việt Nam năm 2018.
- Chiến lược phát triển TCT Khí đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035.
- Chiến lược thị trường bán lẻ LPG dân dụng giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.
- Kịch bản giá dầu và Dự báo của TCT Khí về giá các sản phẩm khí năm 2018.
- Năng lực hiện có của Công ty.
- Tình hình thị trường công nghiệp, thị trường dân dụng từng vùng.

III. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

- Thực hiện theo Chiến lược thị trường bán lẻ LPG đã được TCT phê duyệt.
- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2018 được Đại hội cổ đông thông qua.
- Tiếp tục tăng cường quản trị Công ty đảm bảo nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả SXKD, ổn định tổ chức không ngừng nâng cao hiệu quả SXKD và đời sống người lao động.
- Vận hành, khai thác an toàn, hiệu quả các Tổng kho LPG từ Đà Nẵng trở ra, các trạm giám áp PRU, hệ thống vận chuyển, phân phối LPG, CNG; phối hợp với các đối tác cung ứng dịch vụ đảm bảo phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được liên tục.
- Tham gia phân phối hiệu quả nguồn LPG trong nước theo chỉ đạo và định hướng của Tập đoàn và Tổng công ty góp phần ổn định sản xuất kinh doanh, bình ổn thị trường.
- Ổn định nguồn hàng phục vụ sản xuất kinh doanh 2018.
- Định vị, bảo vệ và phát triển thương hiệu PetroVietNam Gas theo định hướng của Tổng Công ty Khí, hướng tới lợi ích cổ đông, người tiêu dùng và cộng đồng xã hội, tiếp tục thực hiện đồng bộ 4 chiến lược: Chiến lược cạnh tranh; Chiến lược kênh phân phối; Chiến lược marketing; Chiến lược thương hiệu.
- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, thu hồi công nợ khách hàng để đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- Tiếp tục rà soát tiết giảm chi phí hợp lý để tăng hiệu quả kinh doanh và tính cạnh tranh trong kinh doanh, chuẩn hóa trang thiết bị trong toàn công ty, ban hành các định mức chi phí.

- Thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ với người lao động theo quy định của pháp luật. Triển khai các chế độ lương, thưởng gắn với hiệu quả kinh doanh của từng bộ phận.
- Đàm phán khách hàng linh hoạt chuyển đổi nhiên liệu đốt thay thế song song với khí CNG. Đảm bảo hiệu quả tiêu thụ sản lượng CNG được TCT giao.
- Triển khai đa dạng hóa hoạt động kinh doanh (XK, dịch vụ ...) trong phạm vi ngành nghề để tăng cường hiệu quả kinh doanh.
- Đẩy mạnh công tác dịch vụ và chăm sóc khách hàng.
- Bảo toàn và phát triển vốn đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các cổ đông
- Tiếp tục tái cơ cấu để không ngừng nâng cao hiệu quả SXKD.
- Hỗ trợ các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Nữ công, Hội cựu chiến binh hoạt động hiệu quả.

IV. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2018

STT	Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018
I	Sản lượng		
1	LPG	Tấn	217.352
1.1	LPG công nghiệp	tấn	135.492
1.2	LPG dân dụng	tấn	81.860
2	Khí nén CNG	Tr.SM3	30
II	Vốn điều lệ	tỷ đồng	277,2
III	Chi tiêu tài chính		
3	Doanh thu	tỷ đồng	3.366,9
4	Lợi nhuận trước thuế (*)	tỷ đồng	10,5
5	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	8,4
6	Nộp ngân sách	tỷ đồng	20,9
7	Vốn giải ngân ĐTXD, mua sắm	tỷ đồng	30,7
IV	Chi tiêu lao động		
8	Số lao động cuối kỳ	người	509
9	Thu nhập bình quân	trđ/tháng	13,4

(Ghi chú: * LNTT chưa bao gồm trích nộp dự phòng khoản nợ của PVTEX)

V. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN

I. Công tác sản xuất kinh doanh LPG

- Bám sát các mục tiêu chiến lược bán lẻ, các chỉ tiêu kế hoạch 2018 được Tổng công ty Khí VN phê duyệt và Đại hội cổ đông thông qua; hoàn thành các mục tiêu kế hoạch năm của Công ty.
- Tận dụng thời cơ, tập trung hoàn thành và vượt mức kế hoạch bán LPG công nghiệp đã được giao để tăng cường hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Phối hợp với KDK, các khách hàng khác tận dụng khai thác kho chứa của KMB hiệu quả hơn, chủ động tìm kiếm thêm khách hàng.
- Đẩy mạnh thị trường xuất khẩu để chủ động cân đối nguồn hàng, tăng lợi nhuận kinh doanh.
- Mở rộng thị trường khách hàng công nghiệp mới; Tập trung vào nhóm khách hàng có yêu cầu dịch vụ cao, có tài chính tốt và đảm bảo lợi nhuận kinh doanh. Quản lý từng khách hàng, thực hiện theo đúng cam kết trong hợp đồng.
- Tăng cường kiểm soát và tối ưu hóa chi phí trong kinh doanh trong toàn Công ty.
- Xây dựng chính sách bán lẻ bám sát chiến lược chung của TCT: chính sách phát triển thị trường trọng điểm, thị trường mới; tiếp tục triển khai kênh phân phối, chiến lược marketing theo chiến lược chung. Thiết lập các tiêu chí giám sát chính sách giá, chiết khấu, giám giá phù hợp với thị trường và khu vực của từng chi nhánh.
- Tập trung rà soát, phân tích, đánh giá các chi phí kinh doanh bán lẻ, xác định giá thành cho từng loại sản phẩm bình 12kg và bình 45kg tại từng vùng, khu vực, đánh giá hiệu quả hoạt động của các cửa hàng/ trung tâm đo các chi nhánh thành lập từ đó đưa ra phương án kinh doanh phù hợp, hiệu quả.
- Rà soát đánh giá kỹ các kênh phân phối bán lẻ LPG đang triển khai để tối ưu hóa hiệu quả kênh phân phối phù hợp với từng khu vực thị trường, đảm bảo phát triển bền vững.
- Rà soát lại các cơ chế, chính sách, dịch vụ chăm sóc khách hàng nhằm đảm bảo tính công bằng – công khai – minh bạch tạo sự thống nhất, đoàn kết trong toàn hệ thống phân phối phát triển thị trường và hiệu quả kinh doanh.
- Triển khai kịp thời các chương trình khi có sự hỗ trợ của TCT theo chiến lược bán lẻ.
- Đầu tư mua vỏ bình mới kịp thời, có hiệu quả, phù hợp với sản lượng bán hàng tăng thêm. Đẩy mạnh dịch vụ hỗ trợ bán hàng bình 45kg.
- Tìm kiếm khách hàng để hợp tác khai thác tối đa kho Đà Nẵng, kho Vũng Áng nhằm giảm bớt khó khăn về chi phí của kho.

2. Công tác sản xuất kinh doanh CNG:

- Tập trung xử lý các tình huống phát sinh do điều chỉnh sản lượng CNG trong năm 2018 đảm bảo uy tín trên thị trường. Điều tiết sản lượng cung cấp ổn định cho các khách hàng đã đưa vào sử dụng, trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- Đàm phán với khách hàng linh hoạt chuyển đổi sử dụng nhiên liệu thay thế song song với khí CNG và điều chỉnh giá bán phù hợp tình hình biến động của giá dầu, giá CP thế giới.
- Xây dựng kế hoạch cấp LPG dự phòng cho các khách hàng có nhu cầu khi nguồn cung CNG chưa đủ đáp ứng.
- Quản lý chặt chẽ sản lượng tiêu thụ, công nợ của từng khách hàng, quản lý hao hụt trong giao nhận khí.
- Đảm bảo an toàn hoạt động tại các trạm PRU.
- Phối hợp với PVGASD, đơn vị vận tải điều tiết hàng hóa, đảm bảo nguồn hàng cung cấp đủ và kịp thời cho khách hàng CNG.

3. Công tác An toàn - Chất lượng - Môi trường

- Triển khai Hệ thống quản lý AT-CL-MT theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO9001:2015, ISO14001:2015;
- Thực hiện đầy đủ công tác ATCLMT theo quy định của TCT và yêu cầu của pháp luật.
- Rà soát, cập nhật hệ thống quy trình, tài liệu phù hợp hoạt động tại đơn vị.

4. Công tác Kỹ thuật – Dịch vụ; Đầu tư Xây dựng và Khoa học – Công nghệ:

- Tổng kho LPG Hải Phòng đi vào hoạt động từ năm 2001, đến nay đã được 17 năm, do đó hệ thống máy móc, thiết bị đã xuống cấp nhiều nên thường xuyên hỏng hóc đột xuất. Công tác an toàn và BDSC được TKHP mặc dù đã tăng cường nhưng kết quả chưa đáp ứng yêu cầu. Năm 2018, Công ty có kế hoạch đầu tư, sửa chữa lớn để nâng cấp tổng thể kho, phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đồng bộ hóa vật tư, thiết bị tại các tổng kho, trạm nạp, trạm sơn sửa kiểm định nhằm đảm bảo tiết kiệm vật lực – nhân lực – chi phí trong công tác vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, an toàn PCCC. Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong hoạt động SXKD.
- Rà soát, xây dựng các bộ định mức giao nhận LPG/CNG, bảo dưỡng sửa chữa, an toàn môi trường, sơn sửa kiểm định nhằm quản lý tốt hơn các chi phí liên quan, tiết kiệm, tiết giảm các chi phí nhằm từng bước nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Rà soát, đánh giá công tác bảo dưỡng sửa chữa, an toàn vệ sinh công nghiệp, công tác chất lượng; định mức trong sơn sửa, kiểm định bình gas để loại bỏ những quy trình, quy định chưa phù hợp và bổ sung các quy trình quản lý còn thiếu.
- Đẩy mạnh công tác dịch vụ kỹ thuật lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa các trạm cấp LPG/CNG cho các khách hàng.
- Triển khai tích cực dự án Trạm nạp LPG Thái Nguyên.
- Tiếp tục triển khai xây lắp trạm LPG cho khách hàng Hanacans Quảng Ngãi.
- Hoàn thành quyết toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đã thực hiện.

- Thực hiện cho thuê hoặc chuyển giao cầu cảng, diện tích đất chưa sử dụng hết tại dự án Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng.
- Tiếp tục phát huy phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất để tăng năng suất, thực hành tiết kiệm, đảm bảo an toàn trong sản xuất và đầu tư.
- Thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư và Quyết định số 1079/QĐ-KVN ngày 5/9/2014 về Quy trình thực hiện giám sát và đánh giá trực tiếp dự án đầu tư của Tổng Công ty.

5. Tổ chức nhân sự, đổi mới doanh nghiệp:

- Lao động định biên 2018: 509 người.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức và nhân sự cho Công ty.
- rà soát, đánh giá công tác lao động, tiền lương ở tất cả các bộ phận, đặc biệt khối kinh doanh với mục tiêu phát triển thị trường, nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho người lao động. Xây dựng cơ chế trả lương tiền tiến động viên khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả.
- Hoàn thiện việc xây dựng các quy trình, quy chế làm việc, quy hoạch cán bộ theo định hướng chiến lược của Công ty nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng lao động và phù hợp với những quy định mới của Pháp luật.
- Có chính sách đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty, khuyến khích người lao động trong Công ty không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ.
- Nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý nhân lực của Công ty.

6. Công tác tài chính

- Kiểm soát chặt chẽ công nợ, tài sản.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí theo từng loại hình sản xuất kinh doanh.
- Cân đối dòng tiền hợp lý, thu xếp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư dự án với chi phí hợp lý.
- Bảo toàn và phát triển vốn.
- Tiếp tục triển khai các phương án xử lý triệt để các khoản nợ quá hạn của khách hàng.

7. Công tác đoàn thể:

- Thăm hỏi, động viên kịp thời các trường hợp ốm đau, thai sản, hiếu hỉ trong Công ty, tạo niềm tin và sự gắn bó của CBCNV với Công ty.
- Đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ các quyền lợi của mình, đặc biệt là các chế độ nghỉ ngơi, thai sản, nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau thai sản, chế độ ốm đau...
- Tích cực đẩy mạnh phong trào thi đua, hăng say lao động sản xuất, để đoàn kết phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

VI. KIẾN NGHỊ

Để tạo điều kiện hỗ trợ và động lực để hoàn thành kế hoạch năm 2018, Công ty CP Kinh doanh Khí Miền Bắc kính đề nghị Tổng Công ty Khí các nội dung sau:

1. Tổng công ty sớm triển khai chiến lược thương hiệu và truyền thông PetroVietnamGas trong thời gian sớm nhất để kịp thời song hành với công tác bán hàng, tăng sản lượng của KMB theo mục tiêu tăng trưởng nhanh trong Chiến lược năm 2018.
2. TCT ổn định sản lượng cung cấp CNG để cung cấp cho khách hàng, trên cơ sở đó KMB tập trung vào công tác bán lẻ LPG dân dụng.

Trên đây là báo cáo tổng kết các hoạt động cơ bản của Công ty năm 2017, kế hoạch SXKD và phương hướng nhiệm vụ trong năm 2018.

Chúc toàn thể quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

GIÁM ĐỐC

Đoàn Trúc Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC
(trước đây là Công ty Cổ phần Kinh doanh
Khí hóa lỏng Miền Bắc)

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH **ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 11, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 11, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc – trước đây là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc - (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Trọng Hữu	Chủ tịch
Ông Đoàn Trúc Lâm	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2017)
Ông Phạm Tô Văn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2017)
Ông Trịnh Văn Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2017)
Ông Vương Dũng Hoàng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Trúc Lâm	Giám đốc
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Phó Giám đốc
Ông Tạ Quốc Anh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 11, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đoàn Trúc Lâm
Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		710.485.216.926	519.912.982.639
I. Tiền	110	4	48.990.526.119	32.530.639.728
1. Tiền	111		48.990.526.119	32.530.639.728
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.000.000.000	16.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	16.000.000.000	16.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		480.714.924.002	364.565.230.109
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	492.126.193.327	385.370.265.612
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.001.803.080	7.267.514.465
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	38.258.348.741	16.178.479.277
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(56.672.323.546)	(44.251.029.245)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		902.400	-
IV. Hàng tồn kho	140	9	83.282.503.059	52.575.033.746
1. Hàng tồn kho	141		83.282.503.059	52.575.033.746
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		81.497.263.746	54.242.079.056
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	4.679.903.114	2.008.526.652
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		75.127.462.390	48.786.887.454
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	1.689.898.242	3.446.664.950

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		745.047.388.441	789.884.381.036
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.112.954.598	17.433.061.354
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	15.112.954.598	17.433.061.354
II. Tài sản cố định	220		434.455.896.129	461.572.391.395
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	431.829.702.725	458.981.179.423
- Nguyên giá	222		682.192.281.468	667.777.681.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(250.362.578.743)	(208.796.502.141)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	2.626.193.404	2.591.211.972
- Nguyên giá	228		4.269.781.456	4.037.046.456
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.643.588.052)	(1.445.834.484)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	24.842.563.084	24.515.433.300
- Nguyên giá	231		26.427.782.233	25.306.253.729
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.585.219.149)	(790.820.429)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	6.011.713.018	2.819.043.865
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.011.713.018	2.819.043.865
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		11.920.000.000	11.920.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	36.920.000.000	36.920.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		252.704.261.612	271.624.451.122
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	252.704.261.612	271.624.451.122
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.455.532.605.367	1.309.797.363.675

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.060.406.019.421	927.863.123.975
I. Nợ ngắn hạn	310		968.329.780.573	837.898.350.241
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	495.610.557.244	510.174.848.575
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		693.550.547	246.871.360
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	3.026.259.957	1.181.096.260
4. Phải trả người lao động	314		15.506.095.259	14.136.277.345
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.733.532.221	4.489.429.508
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	864.029.291	865.371.671
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	24.227.668.896	20.644.770.295
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	423.668.087.158	286.159.685.227
II. Nợ dài hạn	330		92.076.238.848	89.964.773.734
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	24.192.820.136	25.055.507.820
2. Phải trả dài hạn khác	337	19	67.883.418.712	64.529.817.686
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	379.448.228
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		395.126.585.946	381.934.239.700
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	395.126.585.946	381.934.239.700
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		277.198.500.000	277.198.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		277.198.500.000	277.198.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.717.060.000	19.717.060.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		83.824.619.704	83.824.619.704
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.386.406.242	1.194.059.996
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.194.059.996	609.838.011
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		13.192.346.246	584.221.985
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.455.532.605.367	1.309.797.363.675

(Handwritten signature)



Hoàng Thị Thùy Chi
 Người lập biểu

Phạm Thị Diệu Thúy
 Kế toán trưởng

Đoàn Trúc Lâm
 Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.552.348.417.374	2.525.198.676.252
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	24	3.552.348.417.374	2.525.198.676.252
3. Giá vốn hàng bán	11	25	3.049.332.667.590	2.148.825.822.698
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		503.015.749.784	376.372.853.554
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.136.363.257	6.720.143.106
6. Chi phí tài chính	22	28	19.054.594.514	15.361.912.547
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>18.409.508.759</i>	<i>15.234.758.692</i>
7. Chi phí bán hàng	25	29	404.323.588.576	294.945.354.972
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	68.292.316.322	72.529.346.369
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		13.481.613.629	256.382.772
10. Thu nhập khác	31		1.019.714.949	443.517.875
11. Chi phí khác	32		72.231.114	91.678.662
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		947.483.835	351.839.213
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.429.097.464	608.221.985
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	1.231.348.339	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		13.197.749.125	608.221.985
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	274	22

(Handwritten signatures in blue ink)



Hoàng Thị Thùy Chi
Người lập biểu

Phạm Thị Diệu Thúy
Kế toán trưởng

Đoàn Trúc Lâm
Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.429.097.464	608.221.985
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	43.686.109.902	33.571.371.388
Các khoản dự phòng	03	12.421.294.301	22.283.165.391
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.873.534.856)	(6.720.143.106)
Chi phí lãi vay	06	18.409.508.759	15.234.758.692
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	87.072.475.570	64.977.374.350
Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(151.619.095.945)	185.012.718.932
Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(30.707.469.313)	(23.055.508.637)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(169.951.918)	(65.832.639.355)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	16.248.813.048	(12.514.066.013)
Tiền lãi vay đã trả	14	(18.308.559.292)	(18.127.021.485)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.402.879)	(6.032.624.430)
Số dư Tiền và tương đương tiền tại thời điểm chấm dứt hoạt động của các công ty con, sáp nhập vào Công ty		-	12.577.702.982
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(97.489.190.729)	137.005.936.344
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(25.577.729.800)	(58.729.472.871)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	86.500.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.995.831.734	2.130.998.298
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23.495.398.066)	(56.598.474.573)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.471.890.572.782	1.639.561.076.704
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.334.382.170.851)	(1.760.481.789.602)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(63.926.745)	(17.220.556.660)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	137.444.475.186	(138.141.269.558)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	16.459.886.391	(57.733.807.787)
Tiền đầu năm	60	32.530.639.728	90.264.447.515
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	48.990.526.119	32.530.639.728

Hoàng Thị Thùy Chi
Người lập biểu

Phạm Thị Diệu Thúy
Kế toán trưởng

Đoàn Trúc Lâm
Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), (tiền thân là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc, thay đổi tên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 12 ngày 26 tháng 7 năm 2017), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018088 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 6 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã cổ phiếu là PVG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 477 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 462).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh phân đạm, amoniac, các sản phẩm hóa chất khác, các dịch vụ trong kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Kiểm định kỹ thuật an toàn đối với chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng và các thiết bị chịu áp lực;
- Giám định kỹ thuật chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng và các thiết bị chịu áp lực;
- Đại lý, mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Đào tạo lao động kỹ thuật ngành gas (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy, thiết bị kho chứa, trạm chiết nạp LPG và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh LPG và các sản phẩm dầu khí;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ kiện, kho bãi, trạm chiết nạp LPG và sản phẩm dầu khí;
- Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các sản phẩm dầu khí.

Hoạt động chính của Công ty trong năm chủ yếu là kinh doanh khí hóa lỏng và các sản phẩm dầu khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có tất cả 12 chi nhánh, trong đó bao gồm 3 chi nhánh lớn sau:

- Chi nhánh Bắc Bộ;
- Chi nhánh Duyên Hải;
- Chi nhánh Miền Trung.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các chi nhánh phụ thuộc và văn phòng Công ty. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các chi nhánh phụ thuộc với văn phòng Công ty được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay
	(Số năm khấu hao)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 22
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải	6 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 9
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 7

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 20 năm đối với quyền sử dụng đất, và 3 năm đối với phần mềm máy tính.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là 32 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước cho giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng; tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, lãi chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa và các chi phí trả trước khác.

Giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 10 năm. Nguyên giá bình gas mua vào bao gồm chi phí mua bình gas và các chi phí liên quan khác để bình gas ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tiền thuê đất và tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng thời hạn của hợp đồng thuê vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lãi chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của Hệ thống kho chứa LPG tại Đình Vũ – Hải Phòng.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền nhận được từ ký quỹ vỏ bình gas được phân bổ vào thu nhập theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	2.611.497.085	3.786.767.979
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	46.379.029.034	28.743.871.749
	48.990.526.119	32.530.639.728

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	16.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000

(*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với lãi suất 6,5%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi có kỳ hạn này để bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	36.920.000.000	(25.000.000.000)	36.920.000.000	(25.000.000.000)
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam (**)</i>	25.000.000.000	(25.000.000.000)	25.000.000.000	(25.000.000.000)
<i>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng</i>	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại TQT</i>	1.920.000.000	-	1.920.000.000	-

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang sở hữu 2.500.000 cổ phần theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam) với số tiền đầu tư là 25 tỷ VND, tương đương với 5% vốn góp. Căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ giá trị khoản đầu tư vào công ty này. Ban Giám đốc tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam so với báo cáo tài chính gần nhất mà Công ty thu thập được dùng để xác định dự phòng, gây ảnh hưởng trọng yếu đến mức dự phòng Công ty đã trích lập.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	440.072.505.170	335.652.999.783
Công ty TNHH Tú An	48.805.912.535	34.223.168.714
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Chi nhánh Thái Nguyên	29.200.996.101	10.697.668.812
Công ty TNHH Dầu khí Gia Định	25.219.914.662	27.702.064.268
Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Dầu khí Việt Hải	18.941.816.503	18.971.957.067
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	18.158.281.214	10.388.691.369
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Bùi Nguyễn Gia Phát	10.726.773.931	14.663.640.731
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Hồng Hà	5.999.977.189	6.338.390.156
Công ty TNHH Guangxi Yuchai PetroChemical	-	16.658.168.636
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	-	6.083.800.914
Các khách hàng khác	283.018.833.035	189.925.449.116
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 33)	52.053.688.157	49.717.265.829
	492.126.193.327	385.370.265.612

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Phải thu người lao động	4.542.866.585	1.531.612.638
Quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm chi	-	4.872.192.828
Hàng vay trả	10.968.267.803	2.112.409.312
Thuế GTGT chờ hoàn	13.533.768.643	-
Lãi tiền gửi và đầu tư khác dự thu	952.461.969	1.207.031.575
Chênh lệch vận tải	1.660.882.597	1.076.684.241
Phải thu khác	4.079.994.388	5.378.548.683
Ký quỹ, ký cược	2.520.106.756	-
	38.258.348.741	16.178.479.277
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	15.112.954.598	17.433.061.354
	15.112.954.598	17.433.061.354

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
Đối tượng	77.196.775.795	20.524.452.249		72.956.315.901	28.705.286.656	
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	47.089.648.142	14.126.894.441	Từ 2 năm đến 3 năm	47.089.648.144	23.544.824.072	Từ 1 năm đến 2 năm
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dầu khí Việt Hải	18.896.827.075	3.641.156.165	Trên 3 năm	18.971.957.067	3.641.156.165	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Kinh doanh Gas và Sản phẩm Dầu khí Hà Nội	919.712.205	-	Trên 3 năm	919.712.205	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	965.969.508	-	Trên 3 năm	965.969.508	289.790.852	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	9.324.618.865	2.756.401.643	Từ 1 năm đến trên 3 năm	5.009.028.977	1.229.515.567	Từ 1 năm đến trên 3 năm

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	14.006.633.474	-	11.072.403.493	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.561.615.359	-	2.059.618.303	-
Công cụ, dụng cụ	2.673.514.211	-	4.510.065.524	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	828.990.454	-	1.596.967.583	-
Thành phẩm	490.013.459	-	129.799.170	-
Hàng hóa	60.721.736.102	-	33.206.179.673	-
	83.282.503.059	-	52.575.033.746	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.679.903.114	2.008.526.652
	4.679.903.114	2.008.526.652
b) Dài hạn		
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ (i)	145.643.646.699	169.746.939.775
Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước	83.411.106.308	78.108.230.634
Tiền lãi chậm nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (ii)	6.000.000.000	8.000.000.000
Tiền thuế sử dụng khu đất Hascom	2.403.484.252	2.475.769.493
Chi phí trả trước dài hạn khác	15.246.024.353	13.293.511.220
	252.704.261.612	271.624.451.122

(i) Khoản mục chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ biến động trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	169.746.939.775	-
Tăng do điều chuyển từ các chi nhánh	-	173.455.121.778
Tăng trong năm	11.609.387.325	16.471.358.731
Kết chuyển vào chi phí	(35.712.680.401)	(20.179.540.734)
Số dư cuối năm	145.643.646.699	169.746.939.775

(ii) Phản ánh tiền lãi phát sinh còn phải phân bổ do chậm nộp tiền bán cổ phần lần đầu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN). Công ty đã thanh toán toàn bộ số tiền lãi chậm nộp nêu trên cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và thực hiện phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo thời gian còn lại của Hệ thống kho chứa LPG tại Đình Vũ - Hải Phòng. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc phân bổ như trên hoàn toàn phù hợp với mục đích sử dụng của khoản tiền thu từ cổ phần hóa để lại Công ty trong giai đoạn 2007-2010.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	654.497.206	-	654.497.206	-
- Thuế GTGT đầu ra	654.497.206	-	654.497.206	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.760.697.270	-	1.231.348.339	1.529.348.931
Thuế thu nhập cá nhân	29.470.474	131.078.837	-	160.549.311
Thuế khác	2.000.000	-	2.000.000	-
Cộng	3.446.664.950	131.078.837	1.887.845.545	1.689.898.242

Chi tiêu	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	74.263.719	9.200.345.010	7.913.157.619	1.361.451.110
- Thuế GTGT đầu ra	74.263.719	9.200.345.010	7.913.157.619	1.361.451.110
Thuế nhập khẩu	-	22.480.420.393	21.968.739.193	511.681.200
Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.184.409	-	-	44.184.409
Thuế thu nhập cá nhân	1.062.648.132	1.386.918.428	1.341.860.812	1.107.705.748
Thuế khác	-	924.169.831	922.932.341	1.237.490
Cộng	1.181.096.260	33.991.853.662	32.146.689.965	3.026.259.957

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	266.416.191.308	359.177.004.535	13.871.705.563	3.382.776.269	24.930.003.889	667.777.681.564
Mua mới trong năm	240.874.727	1.465.494.529	660.777.691	344.568.182	-	2.711.715.129
XDCB hoàn thành	110.887.493	12.719.878.294	-	-	-	12.830.765.787
Phân loại lại	43.623.168.018	(20.019.360.432)	-	-	(23.603.807.586)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.127.881.012)	-	-	(1.127.881.012)
Số dư cuối năm	310.391.121.546	353.343.016.926	13.404.602.242	3.727.344.451	1.326.196.303	682.192.281.468
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	90.509.260.705	97.524.515.472	12.615.626.304	2.332.246.834	5.814.852.826	208.796.502.141
Khấu hao trong năm	16.357.728.418	25.399.407.458	716.475.551	160.953.558	59.392.629	42.693.957.614
Phân loại lại	(5.287.085.306)	10.079.388.444	-	-	(4.792.303.138)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.127.881.012)	-	-	(1.127.881.012)
Số dư cuối năm	101.579.903.817	133.003.311.374	12.204.220.843	2.493.200.392	1.081.942.317	250.362.578.743
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	175.906.930.603	261.652.489.063	1.256.079.259	1.050.529.435	19.115.151.063	458.981.179.423
Tại ngày cuối năm	208.811.217.729	220.339.705.552	1.200.381.399	1.234.144.059	244.253.986	431.829.702.725

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 68.069.013.645 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 67.000.133.282 VND).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	1.056.890.670	2.980.155.786	4.037.046.456
Mua mới trong năm	232.735.000	-	232.735.000
Số dư cuối năm	1.289.625.670	2.980.155.786	4.269.781.456
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	874.002.312	571.832.172	1.445.834.484
Khấu hao trong năm	112.606.260	85.147.308	197.753.568
Số dư cuối năm	986.608.572	656.979.480	1.643.588.052
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	182.888.358	2.408.323.614	2.591.211.972
Tại ngày cuối năm	303.017.098	2.323.176.306	2.626.193.404

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị khu đất nhận chuyển nhượng từ Xí nghiệp Gas Hascom của Chi nhánh Miền Trung với thời gian sử dụng là 20 năm.

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 888.890.670 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 696.890.670 VND).

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	25.306.253.729	25.306.253.729
Mua mới trong năm	1.121.528.504	1.121.528.504
Số dư cuối năm	26.427.782.233	26.427.782.233
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	790.820.429	790.820.429
Khấu hao trong năm	794.398.720	794.398.720
Số dư cuối năm	1.585.219.149	1.585.219.149
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	24.515.433.300	24.515.433.300
Tại ngày cuối năm	24.842.563.084	24.842.563.084

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị Nhà xưởng nạp chai LPG cho Công ty TNHH Daesun Vina thuê. Bất động sản đầu tư này đã được đưa vào sử dụng từ tháng 01 năm 2014.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Xây dựng cơ bản	6.011.713.018	2.158.266.174
Trong đó:		
+) <i> Các công trình xây dựng trạm CNG</i>	3.812.400.000	-
+) <i> Trạm nạp Thái Nguyên</i>	2.199.313.018	1.569.922.909
+) <i> Tổng kho sản phẩm khí Đà Nẵng</i>	-	588.343.265
- Mua sắm tài sản cố định	-	660.777.691
	6.011.713.018	2.819.043.865

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	132.583.891.044	132.583.891.044	54.423.181.237	54.423.181.237
E1 Corporation	87.067.468.613	87.067.468.613	-	-
Công ty TNHH Super Gas	18.941.425	18.941.425	11.468.505.517	11.468.505.517
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	10.129.910.992	10.129.910.992	9.845.962.126	9.845.962.126
Các đối tượng khác	35.367.570.014	35.367.570.014	33.108.713.594	33.108.713.594
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 33)	363.026.666.200	363.026.666.200	455.751.667.338	455.751.667.338
	495.610.557.244	495.610.557.244	510.174.848.575	510.174.848.575

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay phải trả	300.241.224	199.291.757
Chi phí xây dựng các trạm nạp CNG chưa quyết toán	573.870.455	3.701.794.486
Chi phí xây dựng Tổng kho sản phẩm Dầu khí Đà Nẵng	-	588.343.265
Chi phí xây dựng công trình Maxsun	1.065.471.140	-
Chi phí thuê vỏ bình	1.527.961.450	-
Chi phí khác	1.265.987.952	-
	4.733.532.221	4.489.429.508

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Doanh thu nhận trước cho Công ty TNHH Daesun Vina thuê nhà xưởng, cơ sở hạ tầng	25.056.849.427	25.920.879.491
- Ngắn hạn	864.029.291	865.371.671
- Dài hạn	24.192.820.136	25.055.507.820
	25.056.849.427	25.920.879.491

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Phải trả hàng vay	15.348.615.298	18.131.999.032
Cổ tức phải trả	1.769.519.139	1.833.445.884
Các khoản khác	7.109.534.459	679.325.379
	24.227.668.896	20.644.770.295
Dài hạn		
Ký cược vỏ bình gas (i)	67.883.418.712	64.529.817.686
	67.883.418.712	64.529.817.686

(i) Khoản mục tiền ký cược vỏ bình gas trong năm biến động như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Số dư đầu năm	64.529.817.686	-
Tăng do điều chuyển từ các chi nhánh	-	72.270.820.294
Nhận ký cược vỏ bình gas trong năm	20.053.199.000	8.744.483.624
Kết chuyển vào doanh thu	(15.802.779.213)	(16.154.905.315)
Hoàn tiền đặt cọc vỏ bình gas	(896.818.761)	(330.580.917)
Số dư cuối năm	67.883.418.712	64.529.817.686

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Vay ngắn hạn	286.159.685.227	286.159.685.227	2.471.890.572.782	2.334.382.170.851	423.668.087.158	423.668.087.158
Cộng	286.159.685.227	286.159.685.227	2.471.890.572.782	2.334.382.170.851	423.668.087.158	423.668.087.158

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	282.853.059.667	133.510.937.845
Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	140.815.027.491	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	152.648.747.382
	423.668.087.158	286.159.685.227

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội phản ánh khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức có mức dư nợ tối đa là 450.000.000.000 VND, gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Khoản vay được bảo đảm bằng cầm cố tài khoản tiền gửi 16.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và được cấp hạn mức kể từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 8 tháng 12 năm 2018. Thời hạn cho vay không quá 3 tháng kể từ ngày rút vốn vay. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long phản ánh khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức có mức dư nợ tối đa là 200.000.000.000 VND. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và được cấp hạn mức kể từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2018. Thời hạn cho vay không quá 4 tháng. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi.



21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	277.198.500.000	19.717.060.000	83.824.619.704	21.799.342.511	402.539.522.215
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	608.221.985	608.221.985
Trích lập các quỹ	-	-	-	(4.600.000.000)	(4.600.000.000)
Chi thường Ban điều hành và khác	-	-	-	(243.200.000)	(243.200.000)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(16.316.169.240)	(16.316.169.240)
Giảm khác	-	-	-	(54.135.260)	(54.135.260)
Số dư cuối đầu năm nay	277.198.500.000	19.717.060.000	83.824.619.704	1.194.059.996	381.934.239.700
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	13.197.749.125	13.197.749.125
Giảm khác	-	-	-	(5.402.879)	(5.402.879)
Số dư cuối năm nay	277.198.500.000	19.717.060.000	83.824.619.704	14.386.406.242	395.126.585.946

Vốn điều lệ

Chi tiết vốn điều lệ góp bởi các cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp			
			Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	186.306.310.000	35,88	99.466.310.000	35,88	99.466.310.000	35,88
Các cổ đông khác	90.892.190.000	64,12	177.732.190.000	64,12	177.732.190.000	64,12
	277.198.500.000	100	277.198.500.000	100	277.198.500.000	100

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.719.850	27.719.850
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.719.850	27.719.850

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã nhận bàn giao và quản lý 126.844 chai LPG theo Hợp đồng thuê chai LPG số 15a/2017/PVGAS/NK&PTTT-KMB/D4 ngày 19 tháng 01 năm 2017 và Hợp đồng thuê vỏ bình số 216/2017/PVGAS/NK&PTTT-KMB/D4 ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP.

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các chi nhánh là kinh doanh gas hóa lỏng; các hoạt động liên quan đến cung cấp sản phẩm và dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho việc kinh doanh sản phẩm chính gas hóa lỏng và chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày là chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh gas hóa lỏng và các dịch vụ phụ trợ nêu trên.

Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không có khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán gas công nghiệp	1.894.230.514.286	1.692.775.386.671
Doanh thu bán gas lẻ	1.090.429.512.962	451.982.580.206
Doanh thu bán CNG	505.902.348.136	327.429.088.211
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	54.958.946.243	43.639.627.405
Doanh thu từ ký quỹ vỏ bình gas	6.827.095.747	9.371.993.759
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu từ các bên liên quan</i> <i>(Xem Thuyết minh số 33)</i>	28.095.483.359	282.466.896.283
- <i>Doanh thu từ các khách hàng khác</i>	3.524.252.934.015	2.242.731.779.969
	3.552.348.417.374	2.525.198.676.252

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.034.435.569.014	2.134.346.573.774
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.897.098.576	14.479.248.924
	3.049.332.667.590	2.148.825.822.698

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.284.176.207	11.499.616.520
Chi phí nhân công	78.088.845.279	50.222.631.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.686.109.902	33.571.371.388
Chi phí dịch vụ mua ngoài	315.855.598.720	231.137.420.788
Chi phí khác bằng tiền	36.263.050.509	66.236.731.267
	498.177.780.617	392.667.771.693

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.149.689.053	2.478.682.518
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	591.573.075	3.829.095.680
Lãi chênh lệch tỷ giá	395.101.129	412.364.908
	2.136.363.257	6.720.143.106

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.409.508.759	15.234.758.692
Lỗ chênh lệch tỷ giá	645.085.755	127.153.855
	19.054.594.514	15.361.912.547

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí lương nhân viên	31.933.840.831	21.294.018.671
Chi phí khấu hao TSCĐ	789.529.125	642.293.987
Chi phí mua ngoài	30.027.632.453	21.567.451.295
Chi phí khác bằng tiền	5.541.313.913	29.025.582.416
	68.292.316.322	72.529.346.369
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí lương nhân viên	45.716.031.692	27.665.625.165
Chi phí khấu hao TSCĐ	42.715.013.043	31.920.321.677
Chi phí mua ngoài	264.672.778.236	195.123.962.133
Chi phí khác bằng tiền	51.219.765.605	40.235.445.997
	404.323.588.576	294.945.354.972

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.231.348.339	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.231.348.339	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	14.429.097.464	608.221.985
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(102.693.187)	(3.013.492.959)
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(591.573.075)</i>	<i>(3.829.095.680)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>488.879.888</i>	<i>815.602.721</i>
Chuyển lỗ	(8.169.662.582)	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.156.741.695	(2.405.270.974)
<i>Thuế suất</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.231.348.339	-

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	13.197.749.125	608.221.985
- Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông	5.600.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.597.749.125	608.221.985
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.719.850	27.719.850
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	274	22

Công ty tạm ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành theo kế hoạch năm 2017 đã được chấp thuận tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-HĐCĐ-KMB ngày 20 tháng 4 năm 2017 để giảm trừ lợi nhuận sau thuế dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu với số được phê duyệt trích từ lợi nhuận trong năm 2017 là 5.600.000.000 VND.

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	4.886.289.900	1.846.248.450

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	12.806.042.050	8.341.347.500
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	33.083.457.300	18.071.467.500
Sau năm năm	24.823.910.400	-
	70.713.409.750	26.412.815.000

Cam kết thuê hoạt động thể hiện:

+ Tổng số tiền thuê 1.198 m² mặt sàn văn phòng của Công ty và 332 m² mặt sàn của Chi nhánh Bắc Bộ tại tầng 11, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Hà Nội trong vòng 50 năm kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2010.

+ Tổng số tiền thuê 126.844 chai LPG từ Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP theo Hợp đồng thuê chai LPG số 15a/2017/PVGAS/NK&PTTT-KMB/D4 ngày 19 tháng 01 năm 2017 và Hợp đồng thuê vỏ bình số 216/2017/PVGAS/NK&PTTT-KMB/D4 ngày 25 tháng 7 năm 2017 trong vòng 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	28.095.483.359	282.466.896.283
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội (*)	-	114.502.117.694
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Nam Định (*)	-	84.191.509.261
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung (*)	-	73.519.470.464
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu Khí	-	1.792.479.798
Công ty Cổ phần Phát triển Gas Đô thị	1.588.142.296	1.555.652.789
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	582.750.000	547.250.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	-	246.192.522
Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí Miền Bắc	10.275.851	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	1.629.437.879	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	380.903.754	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ An toàn dầu khí Việt Nam	-	1.060.132.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	23.903.973.579	5.052.091.755
Mua hàng hóa, dịch vụ và tài sản	2.315.722.095.859	1.668.551.201.004
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.110.177.545.978	847.284.818.769
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	813.907.746.611	591.034.259.577
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	331.987.222.834	168.868.818.886
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	35.800.213.073	42.657.227.066
Công ty Cổ phần Phân Bón & Hóa chất Dầu khí Miền Trung	14.833.697.000	5.316.993.750
Viện Dầu khí Việt Nam - Thuê văn phòng	2.328.266.457	8.413.445.488
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	1.997.942.453	1.669.681.865
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	1.809.901.945	1.393.417.214
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	2.879.559.508	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	588.343.265
Công ty Bảo hiểm PVI Thăng Long	-	762.428.208
Công ty Bảo hiểm PVI Đông Đô	-	526.111.916
Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	-	35.655.000
Khác	-	3.331.970.517
Chi phí lãi vay - Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	3.322.476.667
Lãi tiền gửi - Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	9.493.850

(*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐCĐ-KMB ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chấm dứt hoạt động của ba công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn theo phương án sáp nhập các công ty con này vào Công ty và chuyển giao chức năng, nhiệm vụ của các công ty con trên cho các chi nhánh vùng miền của Công ty.

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.532.605.470	2.002.020.364

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu của khách hàng	52.053.688.157	49.717.265.829
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	47.089.648.142	47.089.648.144
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	493.160.126	-
Công ty Cổ phần Phát triển Gas Đô thị	139.416.000	133.542.500
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	242.922.000	207.594.700
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	133.430.000	330.330.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	28.325.000	28.325.000
Công ty Cổ phần Kinh Doanh Khí Miền Nam	419.339.343	-
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	-	9.091.916
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	3.507.447.546	1.918.733.569
Phải trả người bán	363.026.666.200	455.751.667.338
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	231.347.337.566	244.802.495.584
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	93.378.055.328	151.070.385.083
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	3.519.671.784	5.886.192.909
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	33.605.785.872	53.779.783.115
Công ty Cổ phần Kinh Doanh Khí Miền Nam	99.308.605	-
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam	721.386.915	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	211.365.078	175.517.736
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	31.297.681	37.292.911
Viện Dầu khí Việt Nam	41.883.371	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí Việt Nam	70.574.000	-
Khác	-	404.120.168
Phí công đoàn Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	-	89.409.041
Phải thu khác - Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	-	311.701.636
Phải trả khác - Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	-	3.009.491

Hoàng Thị Thùy Chi
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 3 năm 2018

Phạm Thị Diệu Thúy
Kế toán trưởng



Đoàn Trúc Lâm
Giám đốc





TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC

BÁO CÁO THỰC HIỆN TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

STT	Họ tên	Chức danh	Tổng số tiền	Trong đó		Ghi chú
				Tiền lương và thưởng từ quỹ lương	Tiền thù lao	
1	Trần Trọng Hữu	Chủ tịch HĐQT	576,206,000	583,137,000		
2	Đoàn Trúc Lâm	TV HĐQT, Giám đốc	542,616,640	548,148,780		
3	Hoàng Thị Thu Hằng	TV HĐQT, Phó Giám đốc	467,666,080	471,294,314		
4	Nguyễn Thanh Bình	TV HĐQT kiêm nhiệm	12,000,000		12,000,000	
5	Trịnh Văn Minh	TV HĐQT kiêm nhiệm	24,000,000		24,000,000	
6	Trần Kim Phượng	Trưởng Ban Kiểm soát	426,464,400	427,633,800		
7	Chu Minh Hà	TV BKS	286,276,000	284,092,385		
8	Trần Thị Việt Anh	TV BKS kiêm nhiệm	12,000,000		12,000,000.00	
	Tổng cộng		2,362,306,280	2,314,306,280	48,000,000.00	

Người lập biểu

Bùi Thị Lượng

Hà nội, ngày 24 tháng 04 năm 2018

PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Vương Dũng Hoàng



CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC

KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG, THỦ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

STT	Chức danh	Số người	Tổng số tiền	Trong đó		Ghi chú
				Tiền lương và thưởng từ quỹ lương	Tiền thù lao	
1	Chủ tịch HĐQT	1	583,137,000	583,137,000		
2	Giám đốc	1	548,148,780	548,148,780		
3	Thành viên HĐQT, Phó GD	1	471,294,314	471,294,314		
4	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	1	36,000,000		36,000,000	
5	Trưởng ban kiểm soát	1	427,633,800	427,633,800		
6	Thành viên ban kiểm soát	1	284,092,385	284,092,385		
7	Thành viên ban kiểm soát kiêm nhiệm	1	12,000,000		12,000,000	
	Tổng		2,362,306,280	2,314,306,280	48,000,000	

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2018
PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Người lập biểu

Bùi Thị Lượng

Vương Dũng Hoàng

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2018

Số: 19 /BC-HĐQT-KMB

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2017 & KẾ HOẠCH NĂM 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty gồm 5 thành viên:

Nhân sự thành viên của HĐQT như sau:

- Ông Trần Trọng Hữu - Chủ tịch
- Ông Đoàn Trúc Lâm – Thành viên – Giám đốc
- Bà Hoàng Thị Thu Hằng – Thành viên – Phó Giám đốc
- Ông Trịnh Văn Minh - Thành viên
- Ông Vương Dũng Hoàng - Thành viên

Để thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) 2017 giao, HĐQT Công ty đã tích cực triển khai các hoạt động theo nghị quyết của Đại hội, quy định tại Điều lệ và các quy chế, cụ thể như sau:

1. Về công tác chỉ đạo và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2017:

Trên cơ sở kế hoạch SXKD đã được ĐHCĐ thông qua, HĐQT đã bám sát tình hình thực tế thị trường và các nguồn lực của Công ty để đề ra các chủ trương, nghị quyết kịp thời để Ban Giám đốc Công ty triển khai thực hiện hoạt động SXKD. Chủ tịch HĐQT thường xuyên khảo sát thực tế hoạt động của các bộ phận trong Công ty, tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất hàng tháng cùng với bộ máy điều hành của Công ty để theo dõi, giám sát và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp, phối hợp với Giám đốc xử lý những khó khăn vướng mắc trong hoạt động SXKD.

Trong năm 2017, hoạt động SXKD của công ty gặp một số khó khăn cụ thể như sau:

- Giá dầu, khí biến động nhiều, không theo quy luật nguồn cung LPG dư thừa, công tác dự báo giá, cân đối cung cầu gặp nhiều khó khăn.
- Thị trường cạnh tranh quyết liệt, không lành mạnh, gian lận thương mại diễn ra công khai rộng khắp.
- Các quy định pháp lý còn thiếu, không ổn định, việc xử lý vi phạm trong kinh doanh LPG bị buông lỏng
- Chiến lược marketing, quảng cáo đã được triển khai nhưng vẫn chưa đồng bộ còn độ trễ với công tác bán hàng tăng sản lượng LPG theo mục tiêu chiến lược năm 2017.
- Hoạt động cấp CNG cho các khách hàng không ổn định, việc hạn chế sản lượng tiêu thụ làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của các khách hàng.

- Từ tháng 10/2017, trạm nén của Khí thấp áp liên tục gặp sự cố, thời gian khắc phục kéo dài, dẫn đến sản lượng nén cho KMB thấp hơn nhiều so với kế hoạch, ảnh hưởng đến sản xuất của khách hàng và việc đàm phán hợp đồng bán CNG và dịch vụ của KMB năm 2018.

Kết quả các chỉ tiêu chính đạt trong năm 2017 như sau:

- Tuy giá CP thay đổi gây khó khăn, nhưng nắm bắt được nhu cầu tiêu thụ của khách hàng và chủ động điều tiết nên việc cung ứng LPG rời của KMB tương đối ổn định.
- Tập trung phát triển khách hàng nhà máy, trạm chiết để mở rộng thị trường và tiếp tục xuất khẩu LPG Dung Quất ra nước ngoài.
- Công nợ bán hàng được kiểm soát tốt
- Triển khai tốt các công tác dịch vụ cho khách hàng như: tư vấn thiết kế, xây lắp, đánh giá an toàn và bảo dưỡng sửa chữa tạo được uy tín của thương hiệu PETROVIETNAM GAS trong lòng khách hàng.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% TH/ KH 2017
Sản lượng				
LPG	Tấn	203.487	206.626	102%
CNG	Triệu Sm ³	40	48,81	122%
Doanh thu	Tỷ đồng	2.846,6	3.552,3	125%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,98	14,43	131%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,8	13,20	150%

2. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị trong năm 2017 như sau:

- Kiểm toán dự án hoàn thành đối với dự án Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng.
- Triển khai lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, bản vẽ thi công và tổng dự toán Trạm nạp chiết nạp khí hóa lỏng Thái Nguyên.
- Hoàn thành lắp đặt 02 máy chiết nạp LPG tại Tổng kho Hải Phòng.
- Hoàn thành dự án cải tạo văn phòng làm việc Công ty tại Hà Nội.
- Hoàn thành dự án nâng cấp phần mềm kế toán Bravo 7.0.
- Vốn giải ngân cả năm đạt 26,78 tỷ đồng.

3. Tình hình đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp khác:

HĐQT hiện đang tìm các nhà đầu tư có quan tâm đến công ty có vốn góp của KMB là Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (10 tỷ đồng) để thoái vốn, với mục tiêu tập trung nguồn lực để phát triển bền vững có hiệu quả lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.

4. Công tác quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT

Trong năm 2017, HĐQT đã làm việc thông qua các phiên họp định kỳ và bất thường, quyết định những nội dung quan trọng sau đây:

Quý 1/2017:



- Giao kế hoạch SXKD 2017 để Giám đốc chỉ đạo các bộ phận thực hiện.
- Miễn nhiệm và bổ nhiệm người diện tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng
- Vay vốn tín dụng.

Quý 2/2017:

- Thay đổi tên Công ty.

Quý 3/2017:

- Thay đổi tên và mẫu dấu các chi nhánh trực thuộc

Quý 4/2017:

- Quy chế trả lương, thưởng và thù lao đối với Ban quản lý, điều hành Công ty.

5. Công tác quản lý và giám sát Ban Giám đốc và bộ máy điều hành công ty.

Công ty có đặc điểm thuận lợi là 04/05 thành viên HĐQT đều nằm trong ban lãnh đạo Công ty, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của ban điều hành thông qua các công tác:

- Quán triệt và chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty, các bộ phận liên quan thông suốt chiến lược bán lẻ giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng phát triển đến 2025 để đồng tâm thực hiện.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban hàng tháng của Giám đốc với bộ máy điều hành công ty.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban Giám đốc và bộ máy điều hành công ty về việc triển khai các nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT hoặc về việc chuẩn bị và triển khai các dự án.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Giám đốc và bộ máy điều hành và kịp thời chỉ đạo các vướng mắc nảy sinh.
- Luôn luôn chỉ đạo Ban Giám đốc, các phòng, bộ phận trong Công ty nâng cao công tác quản trị, đánh giá xây dựng kế hoạch tháng, quý, năm...; tiết giảm chi phí, giám sát thu hồi công nợ chặt chẽ làm tăng hiệu quả SXKD.
- Các ý kiến của Ban Kiểm soát đều được HĐQT tiếp thu và xem xét cẩn trọng.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2018.

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế thế giới và Việt nam, dựa trên Chiến lược phát triển bán lẻ của Tổng Công ty Khí Việt Nam, đồng thời phát huy những nhiệm vụ đã đạt được trong năm 2017, HĐQT đề ra kế hoạch hoạt động năm 2018 như sau:

- Chỉ đạo triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2018, giám sát thường xuyên công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, phối hợp chặt chẽ cùng với Ban Giám đốc Công ty kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhanh chóng quyết định những vấn đề phục vụ cho SXKD của công ty nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.
- Thực hiện đồng bộ 04 chiến lược bán lẻ LPG dân dụng : Cạnh tranh, Kênh phân phối, Marketing và Thương hiệu.



- Tìm kiếm đối tác để thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Chính Dầu khí để tập trung nguồn lực vào ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.
- Nâng cao công tác quản trị; yêu cầu Ban Giám đốc chỉ đạo, điều hành thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017 đã được phê duyệt, rà soát lại tất cả các định mức kỹ thuật, chi phí đảm bảo tiết giảm chi phí quản lý, không để công nợ xấu phát sinh.
- Thực hiện đầy đủ các chính sách với người lao động, hoàn thiện các chế độ đãi ngộ gắn với hiệu quả công việc.
- Tuân thủ các quy định về an toàn- vệ sinh-môi trường đảm bảo tuyệt đối an toàn trong toàn bộ các quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tích cực tìm kiếm các đối tác để bán hoặc cho thuê khu văn phòng tại Nghi Xuân- Hà Tĩnh; Cầu cảng và diện tích chưa sử dụng tại Tổng Kho sản phẩm Dầu khí Đà Nẵng;
- Hoàn thành đầu tư đưa vào sử dụng trạm nạp LPG Thái Nguyên.
- Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Công ty và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Tổng Công ty Khí tại KMB là 51%.
- Tổ chức các phiên họp HĐQT thường kỳ và bất thường, quyết nghị các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty.

III. ĐÁNH GIÁ – KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ

Năm 2017, mặc dù Công ty còn gặp nhiều khó khăn trong SXKD, nhưng với tinh thần đoàn kết, nhất trí của HĐQT, Ban Giám đốc và sự nỗ lực phấn đấu của CBCNV, sự ủng hộ của Tổng Công ty Khí Việt Nam cùng cổ đông, HĐQT Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ đã được giao cho.

Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2017, Hội đồng quản trị KMB kiến nghị Tổng Công ty Khí Việt Nam tiếp tục hỗ trợ KMB các vấn đề sau:

- Tổng Công ty sớm triển khai chiến lược thương hiệu và truyền thông PetrovietnamGas trong thời gian sớm nhất để kịp thời song hành với công tác bán hàng, tăng sản lượng của KMB theo mục tiêu tăng trưởng nhanh trong Chiến lược năm 2018.
- TCT ổn định sản lượng cung cấp CNG để KMB tập trung vào công tác bán lẻ LPG dân dụng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.AT03



Trần Trọng Hữu

Công ty Cổ phần
 Khí Việt Nam

Số: 03 /BC-BKS-KMB

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Căn cứ thực hiện báo cáo:

Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014,
Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc,
Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc,
Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017.

Thực thi trách nhiệm và quyền hạn quy định trong Điều lệ Công ty, trong năm tài chính 2017 Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ được giao và báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung như sau:

PHẦN I – KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2017

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Nội dung kiểm soát trong năm bao gồm:

- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức, hoạt động Công ty và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát việc sửa đổi, hoàn thiện và thực hiện các Quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các đơn vị thành viên.
- Thường xuyên theo dõi tình hình của Công ty qua các Nghị Quyết, Công văn, Chi thị của Tổng Công ty Khí Việt Nam- CTCP, Nghị quyết, Quyết định của Công ty.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc kiểm tra giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty. Giám sát trong việc quản lý, sử dụng, nguồn vốn, tài sản, nhân lực và các nguồn lực khác của Công ty, nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí, tuân thủ đúng quy định, nội quy, quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước.
- Kiểm tra kiểm soát đối với Người đại diện phần vốn của Công ty theo Quy chế Kiểm tra giám sát của Tổng Công ty ban hành.
- Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm, các dự án đầu tư XDCB.
- Thẩm định Báo cáo Tài chính. Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính trong năm đảm bảo tính đúng đắn minh bạch trong các báo cáo.
- Kiểm tra đánh giá tình hình hoạt động của các đơn vị thành viên, chi nhánh. Trung tâm phụ thuộc.

- Trong năm 2017 Ban kiểm soát tổ chức 05 cuộc họp phân công nhiệm vụ cho các thành viên, thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát các đơn vị, thống nhất nội dung thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá kết quả kiểm tra giám sát và tổng kết tình hình thực hiện chức trách nhiệm vụ của cá nhân và tập thể Ban kiểm soát, cụ thể:
 - o Lần 1: ngày 20/01/2017
Nội dung: Thông qua chương trình, kế hoạch kiểm tra các chi nhánh; Tổng hợp các nội dung kiểm tra giám sát của Ban trong quý 4/2016 và kế hoạch hoạt động của Ban năm 2017.
 - o Lần 2: ngày 04/04/2017
Nội dung: Chuẩn bị các báo cáo phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên; Tổng kết công tác Quý I/2017, công tác chuẩn bị đi kiểm tra 3 chi nhánh trực thuộc.
 - o Lần 3: ngày 20/04/2017
Nội dung: Bầu Trưởng Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2017-2022.
 - o Lần 4: ngày 20/07/2017
Nội dung: Tổng kết công tác đi kiểm tra 3 chi nhánh; Công tác tiếp đoàn kiểm tra Tổng Công ty định kỳ hàng năm; kế hoạch hoạt động của Ban 6 tháng cuối năm 2017.
 - o Lần 5: ngày 22/09/2017
Nội dung: Thực hiện các kiến nghị đoàn kiểm tra 3 chi nhánh và thực hiện kiến nghị của đoàn kiểm tra Tổng Công ty năm 2017.

Ngoài ra, Ban kiểm soát thường xuyên họp rút kinh nghiệm và trao đổi các vấn đề phát sinh liên quan chức năng nhiệm vụ của Ban theo quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát đã tham gia và có ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban công ty, tham gia các cuộc họp của Ban lãnh đạo công ty với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

II. Kết quả kiểm tra giám sát

1. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính.

- Ban Kiểm soát xác nhận Báo cáo tài chính của Công ty được lập tại ngày 31/12/2017 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt nam, hệ thống kế toán Việt nam. Báo cáo được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định của Bộ Tài chính.
- Trong năm 2017 Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ của các Tổ chức niêm yết bằng hệ thống công bố thông tin điện tử lên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước theo đúng quy định của Bộ Tài chính ban hành về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.
- Các chỉ số tài chính cho thấy tình hình tài chính năm 2017 của Công ty là lành mạnh, khả năng thanh toán nợ đều đảm bảo, Công ty đã bảo toàn tài sản và vốn.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành, lập và nộp báo cáo theo đúng quy định của Nhà nước, phản ánh tính đúng đắn và toàn diện hoạt động tài chính của PVGAS NORTH.
- Tổ chức quản lý, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán đúng quy định.

- Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017, do Công ty TNHH Deloitte Việt Nam phát hành ngày 16/03/2018.
- 2. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh qua các chỉ tiêu tài chính**
- Năm 2017 Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao trên các chỉ tiêu: Doanh thu thực hiện 3.553 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế thực hiện 14,429 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế 13,197 tỷ đồng.
 - Các công trình được thực hiện tuân thủ đúng các quy định của Luật Đấu thầu, các quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình. Trong Quý II/2016, Công trình Tổng kho sản phẩm Dầu Khí Đà Nẵng đã khánh thành đưa vào sử dụng. Hiện nay các công trình đã quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành theo đúng quy định.
 - Công ty tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ và kế hoạch bảo hộ lao động, kế hoạch đào tạo năm 2017.
 - Trong công tác quản lý và hạch toán kế toán Công ty đã thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước. Kế hoạch tài chính, kế hoạch vốn đầu tư, kế hoạch giá thành đã được lập gắn liền với kế hoạch đầu tư & sản xuất kinh doanh, đảm bảo cho công việc tổ chức và điều hành Công ty thực hiện đúng tiến độ đầu tư và SXKD. Thực hiện nghiêm chỉnh quy chế quản lý tài chính của Công ty cũng như của Tổng Công ty Khí VN – CTCP, không chi sai, chi lãng phí, làm thất thoát tài chính của đơn vị.

Một số chỉ tiêu chính tình hình thực hiện Năm 2017:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	2.846,6	3.552,3
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,98	14,43
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,78	13,20
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	277,198	277,198
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	%	4	5,20
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	6,9	70

Các nội dung khác Công ty đã thực hiện và tuân thủ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017.

III. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành của HĐQT và Ban GD:

- Ban Kiểm soát đánh giá cao tinh thần làm việc của HĐQT, Ban GD, tinh thần tiết kiệm, tính trung thực cũng như cần trọng trong lãnh đạo và quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017. Tuy nhiên thị trường LPG có nhiều biến động, trong năm giá bán LPG liên tục giảm sâu, thị trường bán bình luôn cạnh tranh với các hãng gas tư nhân. Các hãng gas đã đồng loạt đưa vào hoạt động các trạm chiết nạp gas nhằm xây dựng kênh phân phối ổn định và cạnh tranh quyết liệt. Mặc dù vậy, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát hỗ trợ Ban Giám đốc và các phòng, ban đơn vị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017. Công ty đã thực hiện đúng chiến lược phát triển hệ thống bán lẻ LPG theo chỉ thị của Tổng Công ty phê duyệt.
 - HĐQT đã nghiêm túc thực hiện và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm đã được Tổng Công ty, ĐHĐCĐ phê duyệt.
 - HĐQT đã hoàn thành công tác tái cơ cấu theo Nghị Quyết của Tổng Công ty, Tập đoàn.
 - HĐQT, Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện theo đúng Các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - Ban Giám đốc đã tăng cường công tác quản lý, đánh giá phân loại và có các biện pháp thu hồi, xử lý với các khoản nợ, hàng tồn kho, tài sản không cần dùng tại đơn vị nhằm giảm thiểu rủi ro, hạn chế bị chiếm dụng vốn ảnh hưởng đến công tác cân đối vốn, dòng tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Ban Giám đốc đã tiếp tục rà soát thường xuyên các dự án đầu tư nhằm đảm bảo việc triển khai dự án được an toàn, chất lượng, phù hợp với tiến độ phê duyệt.
 - Chính sách đối với người lao động: Công ty đã đảm bảo thực hiện việc ký hợp đồng lao động, trích nộp BHXH, BHYT và các quyền lợi của người lao động theo đúng luật. Ngoài ra còn tham gia mua bảo hiểm thân thể cho CBCNV Công ty; Công ty đã xây dựng Quy chế lương, thưởng; hệ thống tiêu chuẩn chức danh và chính sách nhân viên gắn liền với năng suất, chất lượng hiệu quả công việc người lao động nhằm khuyến khích động viên người lao động phát huy tính chủ động sáng tạo trong công việc; chú trọng gắn đào tạo với sử dụng, khuyến khích nhân viên tham gia các chương trình đào tạo phù hợp với công việc; Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong toàn thể đội ngũ CBCNV; Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại khuyến khích vào tạo điều kiện cho CBCNV học tập, đào tạo, nâng cao trình độ để gắn bó làm việc lâu dài tại PVGAS NORTH.
- 2. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban GD và các cán bộ quản lý**
- Trong năm qua, Ban Kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ rất lớn từ HĐQT và Ban GD. Ban GD và các cán bộ quản lý tại các đơn vị đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát.
 - Ban Kiểm soát được mời tham dự hầu hết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và hàng tháng đều tham dự họp giao ban của Công ty. Tại các cuộc họp này Ban Kiểm soát cũng đã tham gia đóng góp ý kiến trên phương diện đảm bảo tính phù hợp trong các hoạt động của Công ty.
 - Giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty luôn có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, thực thi các nhiệm vụ ĐHĐCĐ đã giao.

- Ban kiểm soát thực hiện thẩm định báo cáo Tài chính trước khi trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát hàng quý, năm của Ban Kiểm soát đều được gửi tới Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

IV. Ý kiến đóng góp của BKS

Để nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập, thực hiện chiến lược phát triển và mục tiêu năm 2018 cũng như trong tương lai của Công ty, Ban kiểm soát có một số ý kiến đóng góp cho công tác quản lý và điều hành kinh doanh như sau:

- Tăng cường kiểm tra giám sát nội bộ việc thực hiện các quy chế, quy trình, quy định phân cấp. Thông qua quản lý Người đại diện tại các đơn vị thành viên, các phòng chức năng của Công ty cần giám sát hoạt động của các đơn vị thành viên, cập nhật thông tin và báo cáo Ban Giám đốc kịp thời xử lý.
- Các cán bộ quản lý có nhiệm vụ xây dựng và theo dõi thực hiện quy chế, định mức, phải thường xuyên có báo cáo đánh giá về tình hình thực hiện cho Ban Giám đốc để kịp thời có biện pháp điều chỉnh cơ chế cho phù hợp với tình hình kinh doanh và có biện pháp chấn chỉnh những đơn vị, bộ phận vi phạm quy chế.
- Tăng cường công tác Kế toán quản trị để cung cấp nhiều thông tin hữu ích cho Ban Lãnh đạo Công ty. Kiểm soát chặt chẽ công nợ và các loại tài sản. Xác định chính xác nhu cầu vốn theo hướng chủ động tài chính, bảo toàn và phát triển vốn.
- Tiếp tục triển khai giám sát hoạt động các dự án đầu tư.

PHẦN II – KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2018

Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông, BKS xây dựng kế hoạch làm việc năm 2018 như sau:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018. Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và chiến lược phát triển Công ty đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.
- Kiểm tra giám sát nội bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018. Phân tích tình hình tài chính, tình hình quản lý và sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty. Giám sát việc quản lý vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào đơn vị khác.
- Giám sát đôn đốc việc thực hiện các kiến nghị của các cơ quan quản lý Nhà nước, Tổng Công ty.
- Giám sát và phối hợp chặt chẽ Tổ Công bố thông tin trong việc thực hiện công bố thông tin qua Hệ thống công bố thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo đúng quy định hiện hành .
- Theo dõi và giám sát quá trình triển khai và thực hiện, quyết toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản.
- Lập và gửi Báo cáo kiểm tra giám sát hàng quý, năm cho Tổng Công ty đúng thời hạn.
- Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận làm công tác kế toán tài chính, kiểm soát tại Tổng Công ty để có được sự chỉ đạo thống nhất, hỗ trợ tốt trong công việc kiểm tra, giám sát.

PHẦN III- Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2018

- Qua hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã được kiểm chứng bằng việc đã tham gia hầu như toàn bộ công việc kiểm toán đối với các đơn vị trong Tập đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam và đã thực hiện công việc kiểm toán tại Công ty KMB từ năm 2007 đến nay, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2018.

Trên đây là báo cáo về tình hình hoạt động năm 2017, phương hướng hoạt động chủ yếu của Ban Kiểm soát năm 2018 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập 2018, kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT, Ban GD (để b/c);
- Lưu VT, BKS, KP.(02).

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Thị Kim Phượng